

THỰC TRẠNG TRIỆU CHỨNG TRẦM CẢM THEO THANG ĐÁNH GIÁ RADS CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VŨ TRUNG, HUYỆN KIẾN XƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng triệu chứng trầm cảm theo thang đánh giá RADS ở học sinh tại địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 335 học sinh tại trường trung học cơ sở xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Kết quả: Có 21,8% số đối tượng nghiên cứu cho biết mình cảm thấy hạnh phúc hầu hết hoặc tất cả thời gian. Có 34,3% số học sinh cho biết mình lo lắng chuyện học phần lớn thời gian. Có 74,0% số đối tượng cho rằng các em chưa bao giờ có ý định muốn xa lánh, trốn tránh mọi người. Có 29,0% học sinh cho biết phần lớn thời gian thích cười đùa với mọi người, 32,5% cho biết hầu hết thời gian họ thích vui đùa.

Kết luận: Theo thang đánh giá RADS, có 81,2% học sinh không có triệu chứng trầm cảm, có 10,4% học sinh có triệu chứng trầm cảm nhẹ, 6,6% học sinh có triệu chứng trầm cảm vừa và 1,8% học sinh có triệu chứng trầm cảm nặng.

Từ khóa: Triệu chứng trầm cảm, thang đo RADS, học sinh, Trung học cơ sở.

SITUATION OF DEPRESSIVE SYMPTOM ACCORDING TO THE RADS ASSESSMENT AMONG SCHOOL CHILDREN AT VUTRUNG HIGH SCHOOL, KIEN XONG DISTRICT, THAI BINH PROVINCE

ABSTRACT

Objective: describe the current state of depressive symptom according to the RADS rating scale among school children at the study area.

Methods: This cross-sectional study was carried out on 335 school children at a secondary school in Vu Trung commune, Kien Xuong district, Thai Binh province.

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Phương

Email: phuong170978@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/09/2023

Ngày phản biện: 16/10/2023

Ngày duyệt bài: 18/10/2023

Đặng Thị Vân Quý¹, Nguyễn Thị Hoa¹,
Trần Thị Phương^{1*}

Results: 21.8% of the study subjects indicated that they felt happy most or all of the time. About 34.3% of school children said that they were worry about studying most of the time. There were 74.0% of the subjects said that they never intend to avoid or avoid people. There were 29.0 school children said that most of the time they like to laugh with people, 32.5% said most of the time they like to have fun.

Conclusion: According to the RADS rating scale, 81.2% of school children were not having depressive symptoms, 10.4% of school children were rated as having mildly depressive symptoms, 6.6% of school children are rated as having moderately depressive symptoms, and 1.8 % of school children rated as having severe depressive symptoms.

Key words: Depressive symptom, Reynolds Adolescent Depression Scale, school children, Secondary school.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các triệu chứng trầm cảm có thể xuất hiện ở mọi lứa tuổi, tuy nhiên, mỗi giai đoạn phát triển có những thay đổi khác nhau, dẫn đến biểu hiện của trầm cảm cũng có sự khác biệt trong suốt cuộc đời. Tuổi khởi phát không phải là yếu tố phân loại trầm cảm, dù vậy khởi phát sớm có liên quan đến nhiều yếu tố dự báo về gánh nặng bệnh tật ở tuổi trưởng thành trên một loạt các lĩnh vực, tỷ lệ các bệnh lý thể chất và tâm thần phối hợp nhiều hơn, các giai đoạn trầm cảm trong suốt cuộc đời, mưu toan tự sát, và mức độ trầm trọng của triệu chứng cao hơn [1]. Nghiên cứu được thực hiện trên các học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 tại trường Trung học cơ sở Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình với mục tiêu nghiên cứu là mô tả thực trạng triệu chứng trầm cảm theo thang đánh giá RADS ở học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 tại địa bàn nghiên cứu.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

Học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu:

- Không đồng ý tham gia nghiên cứu
- Vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu
- Bị những bệnh, tật hạn chế khả năng giao tiếp

Địa điểm: Trường Tiểu học & THCS Vũ Trung, huyện Kiến Xương

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 3/2022 đến tháng 5/2022

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu pháp dịch tễ học mô tả thông qua điều tra cắt ngang

2.2.1. Cỡ mẫu và chọn mẫu

- Cỡ mẫu:

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu triệu chứng trầm cảm ở học sinh trung học cơ sở

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Z: Là độ tin cậy lấy ở ngưỡng xác suất 5% (Z = 1,96)

p: Là tỷ lệ học sinh có các triệu chứng trầm cảm, ước tính là 20% dựa theo các nghiên cứu trước đó [2].

d: Là sai số mong muốn (lấy d = 0,05).

Thay vào công thức, cỡ mẫu tối thiểu cần lấy là 246 học sinh, trên thực tế đã chọn 353 học sinh tham gia vào nghiên cứu.

- Chọn mẫu:

Chọn chủ đích tất cả các học sinh từ lớp 6 đến 9 đang theo học tại trường trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Trung huyện Kiến Xương.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Sử dụng bộ phiếu điều tra và phỏng vấn trực tiếp các em học sinh từ lớp 6 đến lớp 9. Nhóm nghiên cứu xin ý kiến đồng ý cho triển khai từ Ban Giám hiệu trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Trung. Để thực hiện triển khai trên 4 khối lớp học sinh, nhóm nghiên cứu liên hệ trực tiếp với các giáo viên chủ nhiệm của các lớp, nắm bắt thời khóa biểu của từng lớp để bố trí lịch phỏng vấn các em học sinh, đồng thời chuẩn bị các điều kiện và phương tiện cho cuộc phỏng vấn (hội trường, nước uống,...). Cuộc phỏng vấn được tiến hành tại các phòng học của từng lớp, có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm. Học sinh được hỏi về các thông tin cá nhân cũng như các thông tin liên quan đến thực trạng trầm cảm.

Thực trạng sức khỏe được đánh giá thông qua tự đánh giá của bản thân học sinh.

2.2.3. Công cụ thu thập thông tin

Thực trạng triệu chứng trầm cảm ở học sinh trung học cơ sở được thu thập dựa trên Thang đánh giá trầm cảm thanh thiếu niên (Reynolds Adolescent Depression Scale - RADS) là thang tự đánh giá nhằm xác định các thanh thiếu niên có các triệu chứng trầm cảm do William M. Reynolds xây dựng năm 1986 [3].

Trong thang đo 30 câu rà soát trầm cảm RADS có 2 loại câu hỏi. Loại thứ nhất bao gồm các câu hỏi mang tính tích cực bao gồm 7 câu: tôi cảm thấy hạnh phúc, tôi thấy mình là người quan trọng, tôi thích vui đùa với mọi người, tôi có cảm giác mình được yêu quý, tôi thích trò chuyện với mọi người, tôi thích vui đùa, tôi thấy ăn ngon miệng. Với các câu hỏi này nếu trả lời “hầu như không” thì được tính là 3 điểm, “thỉnh thoảng” là 2 điểm, “phần lớn thời gian” là 1 điểm, và “hầu hết hoặc tất cả thời gian” là 0 điểm. Loại thứ hai là các câu hỏi mang tính tiêu cực bao gồm 23 câu còn lại, cách tính điểm ngược lại, tức là điểm sẽ chạy từ 0 đến 3 tương ứng với các lựa chọn từ “hầu như không” đến “hầu hết hoặc tất cả thời gian”. Điểm số cho thang đo sẽ được tính là tổng cộng điểm của 30 câu hỏi. Đối tượng nghiên cứu được đánh giá là bình thường nếu có điểm số từ 0 - 30 điểm; đánh giá là trầm cảm nhẹ nếu điểm số là 31 - 40 điểm; Trầm cảm vừa nếu có điểm số là 41 - 50 điểm; và trầm cảm nặng nếu có điểm số từ 51 điểm trở lên.

2.2.4. Xử lý số liệu

- Toàn bộ số phiếu thu được từ thực địa được làm sạch trước khi nhập số liệu vào máy tính bằng chương trình SPSS 17.0.

- Tất cả các phiếu được vào máy tính hai lần, sau đó sử dụng chương trình kiểm tra phát hiện và sửa những sai sót do nhập số liệu.

- Sử dụng chương trình SPSS 17.0 để phân tích số liệu. Các thông số được tính toán bao gồm các số lượng và tỷ lệ phần trăm.

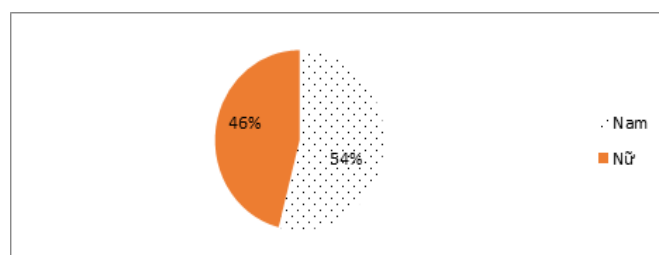
2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua hội đồng khoa học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Trường Trung học cơ sở Vũ Trung là nơi tiến hành nghiên cứu đã đồng ý và tạo điều kiện cho quá trình thu thập số liệu. Học sinh tham gia nghiên cứu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được giải thích về mục tiêu, nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu được ẩn danh và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm về độ tuổi của đối tượng nghiên cứu (n=335)

Tuổi	Số lượng	%
12	71	21,2
13	95	28,4
14	89	26,6
15	79	23,6
16	1	0,3

**Biểu đồ 1. Phân chia giới tính của đối tượng nghiên cứu**

Kết quả bảng 1 và biểu đồ 1 về đặc điểm thông tin chung của đối tượng nghiên cứu cho thấy: độ tuổi của học sinh là từ 12 đến 15 tuổi, trong đó số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ (54% và 46%).

Bảng 2. Thực trạng trầm cảm của đối tượng nghiên cứu (n=335)

Thực trạng trầm cảm	Số lượng	%
Không có triệu chứng trầm cảm (điểm từ 0-30)	272	81,2
Có triệu chứng trầm cảm nhẹ (điểm từ 31-40)	35	10,4
Có triệu chứng trầm cảm vừa (điểm từ 41- 50)	22	6,6
Có triệu chứng trầm cảm nặng (điểm từ trên 50)	6	1,8

Về thực trạng triệu chứng trầm cảm của đối tượng nghiên cứu, kết quả bảng 2 cho thấy có 81,2% học sinh không có triệu chứng trầm cảm, có 10,4% học sinh có triệu chứng trầm cảm nhẹ, 6,6% học sinh có triệu chứng mức vừa và 1,8% học sinh có triệu chứng mức nặng.

Bảng 3. Nhận thức về thời gian học ở nhà của đối tượng nghiên cứu (n=335)

Thời gian học ở nhà	Số lượng	%
Ở nhà nhiều nên em cảm thấy buồn chán	230	68,7
Em lười vận động hơn trước	124	37,0
Em ăn nhiều dù không đói để lấp khoảng trống nhàm chán	69	20,6
Em dành nhiều thời gian cho mạng internet khi dùng điện thoại	150	44,8
Em rất bị cuốn hút khi dùng mạng internet	110	32,8
Em có dùng mạng internet để chơi điện tử	132	39,4
Em thấy ngại giao tiếp với thế giới bên ngoài	90	26,9
Em thấy mình dễ cáu gắt hơn trước	114	34,0
Em thấy mình ít nói hơn trước	82	24,5
Em bị bố mẹ quản lý thiết bị điện tử	181	54,0
Em cảm thấy không thích gần gũi với bố mẹ như trước	39	11,6
Em gặp xung đột với bố mẹ nhiều hơn trước	32	9,6
Em quen với “thế giới mạng” và không thích ra ngoài	35	10,4
Em cảm thấy rất khó chịu khi không được tham gia các hoạt động vận động như thể dục thể thao	156	46,6

Bảng 3 về nhận thức về thời gian học ở nhà của đối tượng nghiên cứu cho thấy: có 11,6% cho biết mình không thích gần gũi với bố mẹ như trước. có 9,6% cho biết mình gặp xung đột với bố mẹ nhiều hơn, có 10,4% cho biết mình quen với “thế giới mạng” và không thích ra ngoài. Có gần một nửa số đối tượng nghiên cứu cho biết mình rất khó chịu khi không được tham gia các hoạt động vận động như thể dục thể thao.

Bảng 4. Nhận thức về học tập trực tuyến của đối tượng nghiên cứu (n=335)

Học tập trực tuyến	Số lượng	%
Em thấy khó tập trung khi học trực tuyến	189	56,4
Em thấy học trực tuyến rất chán	155	46,3
Em thấy thiếu động lực học tập	160	47,8
Em học trực tuyến kém hơn so với học trên lớp	254	75,8
Thời gian em dùng mạng nhiều hơn thời gian học trực tuyến	103	30,7

Bảng 4 về nhận thức về học tập trực tuyến của đối tượng nghiên cứu cho thấy có hơn một nửa số học sinh cho biết mình khó tập trung khi học trực tuyến (56,4%). Gần một nửa số học sinh cho biết học trực tuyến rất chán (46,3%), thấy thiếu động lực học tập (47,8%). Đa số học sinh cho biết học trực tuyến kém hơn so với học trên lớp (75,8%).

Bảng 5. Biểu hiện tâm lý theo thang đánh giá trầm cảm RADS của đối tượng nghiên cứu

Những biểu hiện tâm lý	Hầu như không (%)	Thỉnh thoảng (%)	Phần lớn thời gian (%)	Hầu hết hoặc tất cả thời gian (%)
Tôi cảm thấy hạnh phúc	6,6	38,5	33,1	21,8
Tôi thấy lo lắng về chuyện học	11,3	32,8	34,3	21,6
Tôi cảm thấy cô đơn	57,0	34,3	3,6	5,1
Tôi cảm thấy cha mẹ không thích tôi	78,8	17,3	1,5	2,4
Tôi thấy mình là người quan trọng	8,7	11,9	33,4	46,0
Tôi muốn xa lánh, trốn tránh mọi người	74,0	22,4	2,4	1,2
Tôi cảm thấy buồn chán	37,0	50,7	7,5	4,8
Tôi cảm thấy muốn khóc	60,0	32,2	3,0	4,8
Tôi có cảm giác chẳng ai quan tâm đến tôi	60,0	32,2	3,0	4,8
Tôi thích cười đùa với mọi người	29,9	35,8	29,0	5,3
Tôi có cảm giác cơ thể rệu rã, thiếu sinh lực	64,5	28,4	4,8	2,3
Tôi có cảm giác mình được yêu quý	11,0	22,7	47,2	19,1
Tôi cảm thấy mình giống như kẻ bỏ chạy	82,7	13,4	2,1	1,8
Tôi cảm thấy mình đang tự làm khổ mình	68,7	24,2	5,7	1,4
Tôi cảm thấy người khác không thích tôi	50,7	39,1	6,6	3,6
Tôi cảm thấy bức bối	42,1	46,9	7,5	3,6
Tôi cảm thấy cuộc sống bất công với tôi	63,6	26,9	7,5	2,1
Tôi cảm thấy mệt mỏi	39,4	46,6	9,0	5,1
Tôi cảm thấy mình là một kẻ tồi tệ	68,4	24,5	6,6	0,6
Tôi cảm thấy mình là một kẻ vô tích sự	66,3	26,9	5,1	1,8
Tôi thấy mình là một kẻ đáng thương	81,8	15,8	1,8	0,6
Tôi thấy phát điên lên về mọi thứ	68,1	26,6	3,9	1,5
Tôi thích trò chuyện với mọi người	28,1	37,0	25,1	9,9
Tôi trầm trọc khó ngủ /(Tôi ngủ quá nhiều)	51,9	34,3	9,9	3,9

Những biểu hiện tâm lý	Hầu như không (%)	Thỉnh thoảng (%)	Phần lớn thời gian (%)	Hầu hết hoặc tất cả thời gian (%)
Tôi thích vui đùa	8,7	25,7	33,1	32,5
Tôi cảm thấy lo lắng	38,2	48,4	7,2	6,3
Tôi có cảm giác như bị đau dạ dày	75,8	19,7	3,0	1,5
Tôi cảm thấy cuộc sống tẻ nhạt, vô vị	63,9	26,6	6,0	3,5
Tôi ăn thấy ngon miệng	11,3	27,2	31,9	29,6
Tôi thất vọng, không muốn làm gì cả	63,4	30,0	4,2	2,4

Bảng 5 về biểu hiện tâm lý theo thang đánh giá trầm cảm RADS của đối tượng nghiên cứu cho thấy: có 21,8% số đối tượng nghiên cứu cho biết mình cảm thấy hạnh phúc hầu hết hoặc tất cả thời gian. Có 34,3% số học sinh cho biết mình lo lắng chuyện học phần lớn thời gian. Trên một nửa số học sinh cho biết mình chưa bao giờ cảm thấy cô đơn (57,0%). Có 78,8% học sinh nói họ hầu như không cho rằng cha mẹ không thích họ. Có 74,0% số đối tượng cho rằng các em chưa bao giờ có ý định muốn xa lánh, trốn tránh mọi người. Có 29,0 học sinh cho biết phần lớn thời gian họ thích cười đùa với mọi người, 32,5% cho biết hầu hết thời gian họ thích vui đùa. Gần một phần ba số đối tượng nghiên cứu cho rằng họ ăn luôn ngon miệng hầu hết tất cả mọi thời gian (29,6%).

Bảng 6. Thực trạng trầm cảm theo tuổi, giới của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Không trầm cảm (n=272)		Trầm cảm (n=63)	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi				
12	58	21,3	13	20,6
13	84	30,9	11	17,5
14	71	26,1	18	28,6
15	58	21,3	21	33,3
16	1	0,4	0	0,0
Giới tính				
Nam	163	59,9	18	28,6
Nữ	109	40,1	45	71,4

Bảng 6 về thực trạng có triệu chứng trầm cảm theo tuổi, giới của đối tượng nghiên cứu cho thấy: độ tuổi 13 có số học sinh có triệu chứng trầm cảm là 17,5%, tuổi 14 có 28,6% có triệu chứng trầm cảm. Số lượng nam học sinh có triệu chứng trầm cảm là 59,9%, ở học sinh nữ là 40,1%.

IV. BÀN LUẬN

Học sinh trung học cơ sở hay còn gọi là lứa tuổi thiếu niên là lứa tuổi có nhiều biến đổi cả về thể chất và tâm thần. Trước những tác động của môi trường không thuận lợi mà trẻ chưa thích nghi được dễ dẫn đến những phản ứng cảm xúc hành vi lệch lạc mà nổi bật là trầm cảm. Trầm cảm ở trẻ vị thành niên ảnh hưởng rất lớn đến năng lực học tập, giao tiếp, phát triển các mối quan hệ xã hội, sự phát triển hoàn thiện thể chất và tinh thần, tính cách của trẻ. Nếu rối loạn trầm cảm không được phát hiện và điều trị kịp thời sẽ tăng gánh nặng cho gia đình và xã hội. Ngược lại, việc phát hiện và điều trị sớm

mang lại hiệu quả cao, cải thiện đáng kể tình trạng sức khỏe, đem lại cho trẻ sự hoàn thiện nhân cách và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Nghiên cứu được tiến hành trên 335 học sinh trung học cơ sở ở độ tuổi từ 12 đến 16 tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Số học sinh nam (54%) nhiều hơn số học sinh nữ (46%). Tỷ lệ trầm cảm theo thang đo RADS ở nhóm học sinh nghiên cứu là 18,8%, trong đó trầm cảm nhẹ là 10,4%, trầm cảm vừa là 6,6% và trầm cảm nặng là 1,8%. Nghiên cứu mô tả cắt ngang của Ngô Anh Vinh và

cộng sự thực hiện trên 639 học sinh Trung học cơ sở tại trường Song Mai và Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, khảo sát bằng thang đánh giá trầm cảm - lo âu - stress (DASS 42: Depression - Anxiety - Stress Scales) cho kết quả: tỷ lệ học sinh mắc rối loạn trầm cảm là 17,7% [4]. Khối lớp 9 có tỷ lệ rối loạn trầm cảm và stress cao nhất so với các khối khác. Kết quả nghiên cứu của Đỗ Bích Ngọc [5] về rối nhiễu trầm cảm ở học sinh trung học cơ sở trên địa bàn Hà Nội năm 2017 sử dụng thang đo các triệu chứng trầm cảm của Beck (Beck Depression Inventory – BDI-2) để đánh các biểu hiện và mức độ của từng biểu hiện triệu chứng trầm cảm ở học sinh trung học cơ sở cho thấy tỷ lệ trầm cảm nhẹ là 32,5%, trầm cảm vừa là 24,2% và trầm cảm nặng là 4,1%. Trên 1 nghiên cứu ở học sinh trung học phổ thông tại thành phố Thái Bình, tỷ lệ mắc trầm cảm là 60%, trong đó trầm cảm từ nhẹ, vừa, nặng, rất nặng lần lượt là 13,3%; 24,2%; 10,3%, và 12,2% [6]. Theo nghiên cứu của Đỗ Minh Loan khoa sức khỏe vị thành niên, bệnh viện Nhi Trung ương, trầm cảm là vấn đề hay gặp và phổ biến trong giai đoạn phát triển trẻ vị thành niên, tỉ lệ trẻ vị thành niên bị trầm cảm là 26,3%, trẻ có suy nghĩ về cái chết là 6,3%, trẻ lập kế hoạch tự tử là 4,6% và trẻ cố gắng tự tử là 5,8% [7]. Trước đó, năm 2011 Nguyễn Cao Minh nghiên cứu về trầm cảm trên lứa tuổi 12 đến 16 ở một số tỉnh miền Bắc cho thấy, tỷ lệ trẻ có các dấu hiệu trầm cảm là 6,6% [8]. Từ các kết quả này cho thấy số lượng trẻ em trong độ tuổi học sinh tại Việt Nam mắc trầm cảm có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây.

V. KẾT LUẬN

- Học sinh là từ 12 đến 15 tuổi, trong đó số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ (54% và 46%).
- Có 21,8% số đối tượng nghiên cứu cho biết mình cảm thấy hạnh phúc hầu hết hoặc tất cả thời gian. Có 34,3% số học sinh cho biết mình lo lắng chuyện học phần lớn thời gian. Có 74,0% số đối tượng cho rằng các em chưa bao giờ có ý định muốn xa lánh, trốn tránh mọi người. Có 29,0 học sinh cho biết phần lớn thời gian họ thích cười đùa

với mọi người, 32,5% cho biết hầu hết thời gian họ thích vui đùa.

- Có 81,2% học sinh không bị trầm cảm, có 10,4% học sinh bị đánh giá là trầm cảm nhẹ, 6,6% học sinh bị đánh giá là trầm cảm vừa và 1,8% học sinh bị đánh giá là trầm cảm nặng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Kim Phú, Nguyễn Thị Nhanh, Nguyễn Thị Huệ**, Rối loạn trầm cảm ở trẻ em và thanh thiếu niên. IACAPAP; 2015. Sách giáo khoa Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên.
2. **Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam**; 2018.
3. **Reynolds WM**; A model for the screening and identification of depressed children and adolescents in school settings. Professional School Psychology, 1986; 1, 117-129.
4. **Ngô Anh Vinh, Đỗ Minh Loan, Phùng Thị Vân và cộng sự**; Xác định tỷ lệ trầm cảm, lo âu, stress của học sinh trung học cơ sở tại tỉnh Hưng Yên. Tạp chí Y học cộng đồng, 2021; tập 16 - số 3
5. **Đỗ Bích Ngọc**, Rối nhiễu trầm cảm ở học sinh trung học cơ sở trên địa bàn Hà Nội, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2017.
6. **Ngô Văn Mạnh, Phạm Thị Hương Ly**; Thực trạng lo âu, trầm cảm của học sinh và một số yếu tố liên quan ở đối tượng học sinh lớp 12 tại 2 trường THPT của thành phố Thái Bình năm 2020. Tạp chí Y Học Việt Nam, 2021; Tập 506, Số 2
7. **Đỗ Minh Loan**; Trầm cảm ở trẻ vị thành niên. Bệnh viện Nhi Trung Ương. Truy cập tại: <https://laodong.vn/suc-khoe/tram-cam-o-tre-vi-thanh-nien-ngay-03/4/2022>
8. **Nguyễn Thị Mai**. Tìm hiểu thực trạng các biểu hiện trầm cảm của học sinh trung học cơ sở quận Hoàng Mai, Hà Nội. Luận văn thạc sĩ tâm lý học, 2013; Đại học Giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.